

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST

Ngày 29- 6 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim

2. Ông Doãn Đức Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐĐVAXX ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc L - SN: 1983 (có mặt)

§Pa chỖ: SN 39, đường T, phố G, phường V, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thế T - SN: 1982 (có mặt)

Nơi công tác: Phân kho xăng dầu, Cục xăng dầu, Tổng cục hậu cần.

Đóng tại: thị trấn T, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thế T kết hôn với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc được 4 năm, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn đối với anh T.

Anh Đỗ Thế T trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị L trình bày trên là đúng. Theo anh, vợ chồng mâu thuẫn là do anh công tác trong ngành quân đội, ít có thời gian chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, hiểu nhầm nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn quan điểm của anh là muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, nhưng chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

2. *Về con chung:* Chị L và anh T thống nhất có 02 con chung là Đỗ Lê D, sinh ngày 18/01/2010 và Đỗ Nam P, sinh ngày 08/12/2014. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh trực tiếp nuôi cháu D, chị L trực tiếp nuôi cháu P và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. *Về tài sản, công nợ chung:* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị L đề nghị Tòa án giải quyết tài sản và công nợ. Tuy nhiên, Ngày 15/5/2018, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân: Chị L và anh T thuận tình ly hôn; về con: Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản, công nợ: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật HNGĐ. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T. Về con: giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn mà bị đơn công tác tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Ngọc L và anh Đỗ Thế T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Xét việc anh, chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên công nhận; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh T, chị L đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị L có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Tuy nhiên, qua xác minh, thu thập chứng cứ đều thể hiện anh T, chị L đều có sức khỏe, có việc làm, thu nhập ổn định và anh, chị cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Cháu P còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị L rút một phần khởi kiện đối với tài sản và công nợ. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ. Xét việc anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện nên công nhận; chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần tài sản và công nợ; căn cứ khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí cho chị L. Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244 của BLTTDS. Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Ngọc L và anh Đỗ Thế T.

2. *Về con chung:* Công nhận anh T và chị L có 02 con chung là Đỗ Lê D, sinh ngày 18/01/2010 và Đỗ Nam P, sinh ngày 08/12/2014. Giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị L và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản, công nợ:* Đình chỉ phần tài sản và công nợ do chị L rút yêu cầu; anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.300.000đồng theo biên lai thu số 1597 ngày 17/4/2018 của Chi cục THADS huyện Đông Sơn; Chị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- UBND phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thủy